

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại;
Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 192/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa ra xét xử số 213/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/HSST-QĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1995; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 1 ngách 268/58/6, tổ 16, phường NT, quận LB, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; họ tên cha: Nguyễn Văn C, sinh năm 1962; họ tên mẹ: Lê Thị Thu L, sinh năm 1965; gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai; họ tên vợ: Lương Diễm H, sinh năm 1998; bị cáo có 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn LĐ, xã MC, huyện YM, tỉnh Hưng Yên, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đoàn Hải K, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tập thể C, phường T, quận T, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Lê Thị Thu L, sinh năm 1965, có mặt tại phiên tòa;

3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962, vắng mặt tại phiên tòa;

Cùng trú tại: Số 1 ngách 268/58/6, tổ 16, phường NT, quận LB, thành phố Hà Nội.

4. Ông Nguyễn Mạnh Q; nơi cư trú: Thôn LĐ, xã MC, huyện YM, tỉnh Hưng Yên, có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 28/3/2022, anh Nguyễn Xuân T đang nằm trong phòng ngủ căn hộ của chị Đoàn Hải K, sinh năm 1993, ĐKKHKT: Tập thể công ty X40, T, T, Hà Nội tại phòng 025A - S101 KĐT V, xã Đ, huyện G, Hà Nội thì thấy một nam thanh niên lạ mặt mở cửa vào phòng, nam thanh niên nhìn thấy anh T đang nằm trên giường liền hỏi “Mày là ai, sao lại ăn mặc như này”. Anh T chưa hiểu chuyện gì nên không trả lời lại. Sau đó, nam thanh niên đi ra ngoài cầm một con dao màu xanh dài khoảng 30cm, lưỡi dao bằng kim loại rồi quay lại phòng, nam thanh niên này tiếp tục hỏi anh T là “Mày là ai, sao lại ở đây”. Nghe xong, anh T trả lời nam thanh niên là “Tôi có làm ăn chung với K và đang ở nhờ nhà K”. Lúc này, nam thanh niên cầm dao bằng tay phải dơ lên chém một cái trúng vào vùng bắp tay trái của anh T khiến anh T bị thương tích. Sau đó, nam thanh niên ra ngoài và bỏ đi đâu không rõ. Sau khi nam thanh niên bỏ đi, anh T đi ra nói chuyện với chị K thì được chị K cho biết nam thanh niên vừa có hành vi gây thương tích cho anh T tên là Nguyễn Tấn Đ, sinh 1995, ĐKKHKT: Tổ 16, NT, LB, Hà Nội. Sau đó, anh T đã đến bệnh viện đa khoa Đức Giang để khám thương.

Đến ngày 03/04/2022, ông Nguyễn Văn C sinh năm 1962 và bà Lê Thị Thu L, sinh năm 1965 là bố mẹ của Đ đã đến nhà anh T ở LĐ, MC, YM, Hưng Yên gặp anh T và bố mẹ anh T để xin lỗi và hai bên đã tự bồi thường dân sự với nhau theo thỏa thuận. Sau đó, anh T đã ký tên vào một tờ giấy đề nội dung (Đơn đề nghị xin rút đơn trình báo) do bố Đ là ông Nguyễn Văn C lập viết tay. Bản thân anh T khai không được đọc nội dung và không biết số tiền gia đình Đ đã bồi thường là bao nhiêu, số tiền này do bố anh T giữ và dùng để chi phí điều trị, thuốc men cho anh.

Ngày 15/5/2022, anh Nguyễn Xuân T đến trình báo cơ quan Công an về việc: Anh T bị Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1995; trú tại: Tổ 16, NT, LB, Hà Nội dùng dao chém anh T gây thương tích. Anh T có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với Đ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 856/GĐ-TTPY ngày 28/06/2022 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế Hà Nội kết luận thương tích của anh Nguyễn Xuân T: *Sẹo vết thương mặt trước 1/3 giữa cánh tay trái 03%; cơ chế hình thành thương tích do vật có cạnh sắc gây nên. Tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 03%.*

Quá trình điều tra, bị cáo Đ và anh T nhất trí về kết luận giám định, không có ý kiến khác.

Vật chứng thu giữ: Con dao dài 30cm (lưỡi dao dài 20cm, rộng 05cm, cán dao dài 10cm, không có đầu nhọn).

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Tấn Đ đã tác động đến gia đình mình để bồi thường cho anh T và gia đình số tiền 80.000.000 đồng. Đến nay, anh T còn yêu cầu bị cáo Đ bồi thường số tiền 620.000.000 (Sáu trăm hai mươi triệu) đồng, bao gồm: Tổn thất về tinh thần với số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng; tổn thất do vết thương ảnh hưởng đến sức khỏe sau này là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng; chi phí phẫu thuật sẹo thẩm mỹ đối với thương để lại sẹo ở mặt ngoài cánh tay trái, với số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng; tổn thất trong thời gian 06 tháng phải ở nhà dưỡng thương, không đi làm được, với số tiền là 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng và tổn thất phải bồi thường cho các hợp đồng tập luyện của khách hàng, với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Tại Cơ quan Điều tra, chị Đoàn Hải K, sinh năm 1993, ĐKHKTT: Tập thể công ty X40, T, T, Hà Nội là chủ căn hộ 025A - S1.01 KĐT V - Đ - G Hà Nội khai: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 28/3/2022, chị K đang nằm ở phòng khách căn hộ 025A - S101 thì nhận được tin nhắn của Nguyễn Tấn Đ, có nội dung Đ muốn gặp chị K để nói chuyện tình cảm nhưng chị K không đồng ý. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, Đ đến căn hộ 025A - S101 gặp chị K. Tại đây, chị K bảo Đ đi về vì mẹ chị K đang ở trong phòng ngủ. Đ không nghe và tiến đến phòng ngủ rồi mở cửa ra thì thấy anh Nguyễn Xuân T đang nằm trong phòng nên Đ đã nảy sinh ghen tuông. Lúc này, Đ đi ra khu vực bếp cầm một con dao màu xanh dài khoảng 30cm, lưỡi dao bằng kim loại bằng tay phải dơ lên chém một cái trúng vào vùng bắp tay trái của anh T khiến anh T bị thương tích. Sau đó, Đ đi ra phòng khách chửi K rồi bỏ đi

đâu không rõ, còn anh T đi bệnh viện để khám thương. Bản thân chị K và Đ trước đây có quan hệ tình cảm với nhau và cùng ăn ở tại căn hộ 025A -S1.01 của chị K.

Tại Cơ quan Điều tra, bị cáo Nguyễn Tấn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 191/CT-VKSGL ngày 09 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Nguyễn Tấn Đ về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại là anh Nguyễn Xuân T trình bày: Anh giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra; anh không biết chị Đoàn Hải K có liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo hay không. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt nghiêm minh đối với hành vi phạm tội của bị cáo Đ. Về trách nhiệm dân sự: Anh giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh với tổng số tiền là 620.000.000 (Sáu trăm hai mươi triệu) đồng. Cho đến nay anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Thu L trình bày: Bà giữ nguyên lời khai đã trình bày tại cơ quan điều tra. Sau khi sự việc xảy ra, được anh Đ trao đổi, bà và chồng là ông Nguyễn Văn C đã giao số tiền 80.000.000 đồng cho ông Nguyễn Mạnh Q để bồi thường toàn bộ thiệt hại do bị cáo Đ gây ra cho anh T. Nay bà và ông C vẫn tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh T thay cho bị cáo với số tiền là 80.000.000 đồng. Bà và ông C không yêu cầu bị cáo trả lại ông bà số tiền nói trên. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Mạnh Q trình bày: Sau khi sự việc xảy ra, vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Thu L đã đến gia đình ông và đưa cho ông số tiền 80.000.000 đồng để chi phí thuốc men và bồi thường tổn thất cho anh T. Ông đã nhận số tiền 80.000.000 đồng và hiện nay vẫn đang giữ số tiền này, không chi tiêu gì. Ông nhất trí, tự nguyện xử lý số tiền nói trên theo quyết định của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa và có lời khai: Ông giữ nguyên lời khai đã trình bày tại cơ quan điều tra. Cho đến nay ông và bà L vẫn tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh T

thay cho bị cáo với số tiền là 80.000.000 đồng. Ông và bà L không yêu cầu bị cáo trả lại ông bà số tiền nói trên. Ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện G tham gia phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Tấn Đ tù từ 08 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 16 đến 24 tháng; giao bị cáo Nguyễn Tấn Đ cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền tổn thất trong thời gian 06 tháng phải ở nhà dưỡng thương, không đi làm được với mức thu nhập bình quân theo đầu người tại nơi cư trú của bị hại là 5.500.000 đồng/tháng bằng: $6 \text{ tháng} \times 5.500.000 \text{ đồng/tháng} = 33.000.000 \text{ đồng}$; số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần bằng 05 lần mức lương cơ sở là: $5 \text{ lần} \times 1.490.000 \text{ đồng/tháng} = 7.450.000 \text{ đồng}$. Không chấp nhận các yêu cầu đòi bồi thường còn lại do bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy: Con dao dài 30cm (lưỡi dao dài 20cm, rộng 05cm, cán dao dài 10cm, không có đầu nhọn) là công cụ phạm tội.

Trong phần tranh luận,

Bị hại là anh Nguyễn Xuân T có ý kiến tranh luận: Anh là Đảng viên, là công dân tốt nhưng cuộc sống bị ảnh hưởng nặng nề bởi hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt nghiêm minh đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Anh nhất trí với lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng mức thu nhập bình quân theo đầu người tại nơi cư trú của anh là 5.500.000 đồng/tháng để tính số tiền tổn thất trong thời gian 06 tháng phải ở nhà dưỡng thương; anh giữ nguyên các yêu cầu còn lại và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết đảm bảo quyền lợi của anh theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã nêu trong lời luận tội, khẳng định bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của mình là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại như đã nêu trong lời luận tội.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Mạnh Q và bà Lê Thị Thu L không tham gia tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện G và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C và chị Đoàn Hải K vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra, ông C có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của ông C và chị K không gây trở ngại cho việc xét xử. Theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C và chị K.

[3] *Về hành vi phạm tội và tội danh:*

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người liên quan, kết luận giám định pháp y và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 04 giờ 00 phút, ngày 28/03/2022, tại căn hộ S101-25A Khu đô thị V, Đ, G, Hà Nội, bị cáo Nguyễn Tấn Đ có hành vi dùng dao chém vào cánh tay trái của anh Nguyễn Xuân T làm anh T bị thương tích với tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 03%. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được

pháp luật hình sự bảo vệ nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Như vậy, hành vi dùng dao (là hung khí nguy hiểm) chém vào cánh tay trái của anh Nguyễn Xuân T của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” với dấu hiệu định khung hình phạt là “*Dùng hung khí nguy hiểm.*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:*

[4.1] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tác hại và hậu quả gây ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với mục đích gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

[4.2] *Về nhân thân bị cáo:* Bị cáo Nguyễn Tấn Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cố định, rõ ràng. Trong thời gian tại ngoại không có hành vi phạm pháp luật.

[4.3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại cho bị hại. Như vậy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tổng hợp nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Nguyễn Tấn Đ: Có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Xét thấy, không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tại phiên tòa là phù hợp.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Đối với con dao dao dài 30cm (lưỡi dao dài 20cm, rộng 05cm, cán dao dài 10cm, không có đầu nhọn) do Nguyễn Tấn Đ sử dụng để gây thương tích cho T là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội nhưng giá trị sử dụng không đáng kể nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*:

Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 620.000.000 (Sáu trăm hai mươi triệu) đồng, bao gồm: Tổn thất về tinh thần với số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng; tổn thất do vết thương ảnh hưởng đến sức khỏe sau này là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng; chi phí phẫu thuật sẹo thẩm mỹ đối với thương để lại sẹo ở mặt ngoài cánh tay trái ở của tôi, với số tiền là khoảng 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng; tổn thất trong thời gian 06 tháng phải ở nhà dưỡng thương, không đi làm được, với số tiền là 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng và tổn thất phải bồi thường cho các hợp đồng tập luyện của khách hàng, với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Xét yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình làm việc tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại không đưa ra yêu cầu đòi bồi thường chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của bị hại cũng như không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đòi bồi thường của mình là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, theo tinh thần của Điều 590 của Bộ luật Dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/09/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm hại thì bị cáo phải bồi thường các khoản thiệt hại sau của anh T:

* Về chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của bị hại:

- Đối với chi phí khám chữa, điều trị và thuốc men tại bệnh viện Đa khoa Đức Giang và điều trị tại nhà, bị hại khẳng định chỉ khám chữa tại bệnh viện Đa khoa Đức Giang trong 01 ngày ngoài ra không khám chữa điều trị tại bệnh viện nào khác nhưng không còn giữ được các hóa đơn, chứng từ cũng như tài liệu chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử xác định mức chi phí khám chữa, điều trị và thuốc men hợp lý đối với thương tích của anh T là 8.000.000 đồng.

- Đối với chi phí thuê phương tiện đưa đi, đón về khi khám chữa bệnh Hội đồng xét xử xác định mức chi phí hợp lý đối với quãng đường anh T đi, về khi khám chữa bệnh là 1.500.000 đồng.

- Đối với chi phí bồi dưỡng sức khỏe của bị hại theo quy định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám, chữa bệnh (mức lương tối thiểu vùng khu vực LB, Hà Nội là 4.680.000 đồng/tháng theo Bảng tra cứu lương tối thiểu vùng đang được áp dụng) cho 01 ngày khám chữa bệnh theo số ngày trong hồ sơ, bệnh án. Theo anh T trình bày anh chỉ khám chữa bệnh trong 01 ngày nhưng xét mức chi phí bồi dưỡng sức khỏe hợp lý đối với thương tích của anh T, Hội đồng xét xử chấp nhận mức chi phí bồi dưỡng sức khỏe là 15 ngày x 4.680.000 đồng/26 = 2.700.000 đồng.

- Đối với chi phí phục hồi sức khỏe của bị hại, Hội đồng xét xử chấp nhận mức chi phí phục hồi sức khỏe là 15 ngày x 4.680.000 đồng/26 = 2.700.000 đồng.

* Về thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút của bị hại:

- Bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất trong thời gian 06 tháng đi làm là 120.000.000 đồng, nhưng không chứng minh được công việc cũng như mức thu nhập thực tế và ổn định tại thời điểm điều trị thương tích nên áp dụng theo mức thu nhập bình quân tại nơi bị hại cư trú (mức thu nhập bình quân tại xã MC, YM, Hưng Yên là 66.980.000 đồng/người/năm theo Báo cáo số 132 ngày 20/12/2022 của UBND xã MC) và chấp nhận 02 tháng là hợp lý so với vết thương của bị hại, bằng: 02 tháng x 66.980.000 đồng/người/12 = 11.160.000 đồng.

* Về chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại: Do bị hại chỉ phải khám chữa, điều trị vết thương tại bệnh viện 01 ngày và với thực tế vết thương của bị hại thì cũng không cần phải có người chăm sóc nên Hội đồng xét xử không xét phần chi phí này.

* Về bồi thường tổn thất về tinh thần:

Bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần là 150.000.000 đồng, tức là gấp hơn 100 lần mức lương cơ sở là quá cao so với tổn thất tinh thần do vết thương gây ra. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu bằng 03 lần mức lương cơ sở hiện hành: 03 lần x 1.490.000 đồng = 4.470.000 đồng.

- Đối với số tiền yêu cầu bồi thường tổn thất do vết thương ảnh hưởng đến sức khỏe sau này là 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng) cũng như là chi phí phẫu thuật sọ thẩm mỹ đối với vết thương với số tiền là 50.000.000 đồng, xét nội dung của phần yêu cầu này không có chỉ định của cơ sở y tế hoặc bác sỹ điều trị nên không được coi là chi phí hợp lý được bồi thường.

- Đối với số tiền yêu cầu bồi thường do tổn thất phải bồi thường cho các hợp đồng tập luyện của khách hàng, với số tiền là 100.000.000 đồng, xét yêu cầu này của bị hại đưa ra nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh và không phù hợp với thực tế thương tích gây ra nên không được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh T là: 8.000.000 đồng (tiền chi phí khám chữa, điều trị bệnh và thuốc men) + 1.500.000 đồng (tiền chi phí thuê phương tiện đưa đi, đón về khi khám chữa bệnh) + 2.700.000 đồng (tiền chi phí bồi dưỡng sức khỏe) + 2.700.000 đồng (tiền chi phí phục hồi sức khỏe) + 11.160.000 đồng (tiền thu nhập bị mất hoặc giảm sút) + 4.470.000 đồng (tiền bồi thường tổn thất về tinh thần) = 30.530.000 đồng.

Về số tiền 80.000.000 đồng mà ông C và bà L đã đưa cho ông Nguyễn Mạnh Q để bồi thường thiệt hại cho anh T. Nay hai ông bà và bị cáo đều tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền này để bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại do bị cáo gây ra cho anh T. Tuy số tiền theo quy định bị cáo phải bồi thường thấp hơn số tiền 80.000.000 đồng nhưng xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, xác nhận bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh T với số tiền là 80.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của ông Q trả lại cho anh T số tiền nói trên.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] *Về nội dung khác*:

Theo đơn trình báo ngày 12/04/2022 của anh T có nêu chị Đoàn Hải K có đồng phạm với Đ trong vụ án. Tuy nhiên, anh T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh và thực tế diễn biến quá trình phạm tội của bị cáo không thể hiện có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất giữa bị cáo và chị K trong việc thực hiện hành vi phạm tội mà chỉ là sự ghen tuông vô cớ, bột phát của bị cáo như bị hại cũng đã trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 05/10/2022. Như vậy, không có cơ sở để xác định chị K có đồng phạm với bị cáo; Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với chị K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. *Về hình phạt*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tấn Đ cho Ủy ban nhân dân phường NT, quận LB, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành bản án. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và Điều 68 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 con dao màu xanh tím bằng kim loại, dài khoảng 30cm, trong đó chuôi dao dài khoảng 10cm, lưỡi dao dài khoảng 20cm, đã qua sử dụng (Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G ngày 18/11/2022).

4. *Về trách nhiệm dân sự*:

4.1 Xác nhận ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Thu L đã giao số tiền 80.000.000 đồng cho ông Nguyễn Mạnh Q.

4.2 Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Thu L và bị cáo Nguyễn Tấn Đ tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh Nguyễn Xuân T với số tiền là 80.000.000 đồng.

4.3 Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Mạnh Q trả lại anh Nguyễn Xuân T số tiền 80.000.000 đồng.

5. *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại là anh Nguyễn Xuân T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Thu L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Mạnh Q, ông Nguyễn Văn C và chị Đoàn Hải K có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đ bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND phường NT (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Trọng

